

Đậu ván trắng (Bạch biên đậu)  
Hoắc hương  
Hương nhu  
Mộc qua

## **9.2. Thuốc thanh giải thử nhiệt :**

Dưa hấu (vỏ ngoài xanh và trắng )

## **10. Thuốc lợi thấp**

### **10.1. Thuốc thẩm thấp :**

Bí đao (hạt và vỏ)  
Biền súc  
Địa phu tử  
Đông quỳ tử  
Hoạt thạch  
Mã đề (cà cây)  
Đậu đỏ nhỏ (Xích tiểu đậu)  
Mộc thông  
Phòng kỷ  
Phục linh (Trư linh)  
Thông thảo  
Trạch tả  
Tỳ giải  
Ý dĩ

### **10.2. Thuốc trục thủy :**

Hạt bìm bìm biếc

## **11. Thuốc thanh nhiệt**

### **11.1. Thuốc thanh nhiệt, giáng hỏa :**

Cốc tinh thao (Cò dùi trống)  
Dành dành (quả)  
Hạ khô thảo  
Hoàng bá  
Hoàng cầm  
Hoàng liên  
Hồ hoàng liên  
Huyền sâm  
Khô sâm (rễ)  
Long đởm thao  
Mào gà trắng (hạt) = Thanh sương tử  
Muồng muồng ngu (hạt) = Quyết minh tử  
Ngưu bàng tử

Nha đam tử  
Nhân trần  
Thạch cao  
Tri mẫu

### **11.2. Thuốc thanh nhiệt, lương huyết :**

Cỏ tranh (rễ)  
Địa cốt bì (vỏ rễ lựu)  
Mẫu đơn bì  
Ngân sài hồ  
Sinh địa hoàng  
Thanh cao  
Tê giác (sừng)  
Trâu đen (sừng)

## **12. Thuốc an thần**

Bá tư nhân  
Chu sa (Thần sa)  
Hỗ phách  
Táo nhân (nhân quả) = Toan táo nhân  
Thạch quyết minh (củu không) : vỏ bào ngư  
Trần châu (Trai ngọc)  
Viễn chí

## **13. Thuốc trừ đờm**

### **13.1. Trừ đờm do lạnh :**

Bối mẫu  
Quạ lâu (quả, vỏ quạ)  
Thường sơn

### **13.2. Trừ đờm do nóng (nhiệt) :**

Bán hạ  
Cải trắng (hạt) = Bạch giới tử  
Bồ kết (quả)

## **14. Thuốc chống ho**

### **14.1. Làm ẩm phổi, chữa ho :**

Bách bộ  
Bạch quả  
Cải củ (hạt) = La bạch tử  
Cát cánh  
Mơ (nhân quạ) = Hạnh nhân  
Khoản đông hoa